

Văn mẫu Cảm hứng nhân đạo trong truyện Kiều của Nguyễn Du

Đề bài: *Cảm hứng nhân đạo trong truyện Kiều của Nguyễn Du*

BÀI LÀM

Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm.

Cốt lõi của cảm hứng nhân đạo là lòng thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người. Một tác phẩm mang cảm hứng nhân đạo khi nó ca ngợi phẩm chất cao đẹp của con người, không những thế phải đồng cảm xót thương những số phận bị chà đạp, lên án tố cáo những thế lực thù địch, đồng thời phải biết đồng tình với khát vọng và ước mơ chính đáng của con người.



Nguyễn Du yêu thương con người đến tận cùng, vì vậy các tác phẩm của ông cũng nhân đạo đến tận cùng. Chỉ qua ba đoạn trích Truyện Kiều và bài thơ Độc Tiểu Thanh ký trong SGK, người đọc cũng hiểu được phần nào tâm lòng nhân đạo của thi hào Nguyễn Du.

Cảm thương cho những kiếp hồng nhan mà đa truân, tài tử mà đa cùng không phải là cảm hứng mới mẻ trong văn học, nhưng phải đến Nguyễn Du, người đọc mới thực sự đau lòng vì “những điều trông thấy” bởi Nguyễn Du viết về nỗi đau của người khác như nỗi đau của chính mình.

Sắc đẹp khuynh thành và tài năng hiếm có của Thúy Kiều đã được Nguyễn Du đặc tả trong hai câu thơ:

“Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”

(Truyện Kiều)

Còn Tiểu Thanh, một con người có thật sống cách Nguyễn Du 300 năm ở Trung Quốc cũng là một người con gái đẹp, có tài thơ, còn để lại tập di cáo Tiểu Thanh ký. Truyện kể lại rằng trước khi chết, Tiểu Thanh đã khóc vì nhìn bức chân dung của mình và nhận ra mình đẹp. Đau đớn biết bao nhiêu khi một người con gái còn rất trẻ khi sắp chết lại thấy mình đẹp. Thế nhưng chính Nguyễn Du lại thâm thúy hơn ai hết rằng: “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”, rằng: “Có tài mà cậy chi tài – Chữ tài liền với chữ tai một vần”. Cuộc đời Thúy Kiều và Tiểu Thanh chính là minh chứng và cũng là nạn nhân của những bất công, phi lý của cuộc đời.

Thúy Kiều tài sắc như vậy nên người nàng yêu cũng phải là một văn nhân “vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa”. Hai người đã thề nguyện “Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai” và có vàng trắng trên trời làm chứng. Nhưng rồi tai họa ập đến với gia đình khiến Thúy Kiều đành phải hy sinh chữ tình vì chữ hiếu. Việc Kiều bán mình chuộc cha không phải vì nàng hành động theo đạo lý tam cương của Nho

gia mà đó là đạo hiếu của kẻ làm con: “Làm con trước phải đền ơn sinh thành”.

Nhưng chỉ Nguyễn Du mới hiểu đến tận cùng bi kịch của Thúy Kiều khi phải trao duyên cho em, nhờ em thay mình trả nghĩa chàng Kim. Nàng giờ sống mà như đã chết. Biết bao đau đớn khi Kiều nhận mình là kẻ phụ bạc:

“Ôi Kim Lang, hỡi Kim Lang

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây”

(Truyện Kiều)

Màn trao duyên ấy chính là bi kịch đầu tiên mở ra quãng đời 15 năm “oan khổ lưu ly” của Thúy Kiều. Cuộc sống “êm đềm trướng rủ màn che” ngày xưa giờ đã thay bằng cuộc sống “Dập dìu lá gió cành chim – Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Tràng Khanh”. Thúy Kiều không tìm thấy chút vui thú nào trong cuộc sống “bướm lả ong loi” ấy, mà tâm trạng thực của nàng là vui gượng, là sầu, buồn, cuối cùng đọng lại ở nỗi đau, một nỗi đau luôn dày vò, không thể giải tỏa. Có nhà nghiên cứu đã nhận xét rằng cái “giật mình mình lại thương mình xót xa” của cô Kiều mới đáng quý biết chừng nào. Nếu không có những phút “giật mình” ấy thì nàng Kiều cũng tầm thường như một cô gái làng chơi mất hết nhân phẩm. Cái “giật mình” ấy chứng tỏ Thúy Kiều đã đau đớn biết bao nhiêu khi nhân phẩm bị nhơ bấn, “Mặt sao dày gió dạn sương – Thân sao bướm chán ong chường bấy thân”. Nàng phần uất, đay

nghiến thực trạng phũ phàng, cuộc sống bị cầm tù trong một vòng tròn luẩn quẩn không lối thoát:

“Đã cho lấy chữ hồng nhan

Làm cho cho hại cho tàn cho cân

Đã đày vào kiếp phong trần

Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi”

(Truyện Kiều)

Người đọc dường như không phân biệt được đâu là lời của nhân vật, đâu là lời của nhà thơ vì Nguyễn Du đã nhập thân để hiểu tận cùng nỗi đau của Thúy Kiều và bất bình thay cho nàng.

Thúc Sinh xuất hiện trong cuộc đời Kiều không phải chỉ như một khách làng chơi mà còn như một người tình, một người chồng, một ân nhân. Chính Thúc Sinh đã chuộc nàng ra khỏi xanh và cưới nàng làm vợ lẽ. Nhưng mối duyên này ngắn ngủi.

Thúc Sinh phải về quê báo tin “vườn cũ thêm hoa” với vợ cả là Hoạn Thư. Cảnh từ biệt của hai người không chỉ có buồn, có lưu luyến như các cuộc chia ly thông thường khác mà còn có dự cảm về một cuộc chia tay vĩnh viễn

“Vàng trắng ai xẻ làm đôi

Nửa in gói chiếc nửa soi dặm trường”

(Truyện Kiều)

Những nỗi đoạn trường cứ bám lấy cuộc đời Thúy Kiều như một định mệnh, không cho nàng được sống thanh thản, vui vẻ, dù là ngắn ngủi.

Tiểu Thanh cũng vậy. Nàng tài sắc là thế mà phải làm lẽ, sống trong sự dày vò của người vợ cả độc ác. Tiểu Thanh không giống Thúy Kiều, 16 tuổi đã phải dân thân vào kiếp đoạn trường, nhưng cảnh sống bị cầm tù ở núi Cô Sơn, ngày ngày lo sợ bị người vợ cả hãm hại thì có khác gì cái chết. Một cái chết dần dần, mòn mỏi, và không kém phần đau đớn. Sau 300 chỉ có Nguyễn Du lặng lẽ viếng nàng bên khung cửa qua tập di cáo còn sót lại. Cảnh đẹp Tây Hồ cũng chịu số phận truân chuyên của giai nhân:

“Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang

Thôn thức bên song mảnh giấy tàn”

(Độc Tiểu Thanh ký)

Nguyễn Du xót thương cho số phận của “văn chương”, của “son phấn” cũng bị liên lụy vào nỗi đoạn trường bởi chúng mang cái mệnh của con người:

“Chi phấn hữu thần liên tử huyệt

Văn chương vô mệnh lụy phần dư”

(Son phần có thân chôn vẫn hận

Văn chương không mệnh đót còn vương) (Độc Tiểu Thanh ký)

Vẫn biết rằng “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen” nhưng đó vẫn là “nỗi hờn kim cổ” mà Nguyễn Du muốn chất vấn trời cao, hay chất vấn cuộc đời, song rốt cuộc vẫn không có lời giải đáp. Chỉ biết rằng đó là “phong vận kì oan” (nỗi oan lạ lùng) của những kẻ mang nét phong nhã. Hồng nhan đa truân, tài tử đa cùng là cái án tiên định của những người như Thúy Kiều, Tiểu Thanh phải mang.

Tiếng khóc của nàng Kiều trước mộ Đạm Tiên:

“Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”

(Truyện Kiều)

cũng chính là tiếng khóc của nàng cho chính mình mai sau và là tiếng khóc cho những phận đàn bà nói chung.

Rốt cuộc thì Đạm Tiên, Thúy Kiều hay Tiểu Thanh dù số phận có nhiều điểm khác nhau thì cũng là “cùng một lứa bên trời lân cận”. Nguyễn Du cũng tự coi mình là người cùng hội cùng thuyền với những người mắc nỗi oan lạ lùng vì vết phong

nhã. Tố Như đau cho số phận của Tiểu Thanh cũng là tự thương cho chính những lận đận của mình, bởi vậy mới khao khát tri kỷ:

“Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như”

(Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chẳng)

(Độc Tiểu Thanh ký)

“Khấp” có nghĩa là khóc thầm, còn “khóc” là khóc lớn, khóc thành tiếng. Nguyễn Du cả đời khóc thương cho những bất hạnh của con người nhưng cuối cùng cũng chỉ mong được người đời sau khóc thầm. Đó là khao khát tri âm khiêm nhường của một con người rất hiểu đời.

Độc “Truyện Kiều” và “Độc Tiểu Thanh ký”, Nguyễn Du luôn hỏi trời về những đau khổ của con người nhưng thực tế trong tác phẩm, Nguyễn Du lại cho thấy nguyên nhân nhưng đau khổ của con người là do những thế lực thù địch chà đạp lên cuộc sống và quyền sống chính đáng của con người. Nếu không có chế độ phong kiến với sự thống trị của đồng tiền thì Kiều đâu có 15 năm lênh đênh trong bể đoạn trường, nếu không có chế độ đa thê thì Tiểu Thanh chắc cũng không có số

phận bi kịch như thế. Nguyễn Du đau nỗi đau của con người, hiểu thấu được nguyên nhân của những bi kịch ấy nhưng Nguyễn Du bất lực bởi chính ông cũng là nạn nhân của những bể dâu cuộc đời. Nỗi đau của Nguyễn Du, sự cô đơn của Nguyễn Du, tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du đều xuất phát từ một trái tim nghệ sĩ lớn.

Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm.

Cốt lõi của cảm hứng nhân đạo là lòng thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người. Một tác phẩm mang cảm hứng nhân đạo khi nó ca ngợi phẩm chất cao đẹp của con người, không những thế phải đồng cảm xót thương những số phận bị chà đạp, lên án tố cáo những thế lực thù địch, đồng thời phải biết đồng tình với khát vọng và ước mơ chính đáng của con người.

Nguyễn Du yêu thương con người đến tận cùng, vì vậy các tác phẩm của ông cũng nhân đạo đến tận cùng. Chỉ qua ba đoạn trích Truyện Kiều và bài thơ Độc Tiểu Thanh ký trong SGK, người đọc cũng hiểu được phần nào tấm lòng nhân đạo của thi hào Nguyễn Du.

Cảm thương cho những kiếp hồng nhan mà đa truân, tài tử mà đa cùng không phải là cảm hứng mới mẻ trong văn học, nhưng phải đến Nguyễn Du, người đọc mới thực sự đau lòng vì “những điều trông thấy” bởi Nguyễn Du viết về nỗi đau của người khác như nỗi đau của chính mình.

Sắc đẹp khuynh thành và tài năng hiếm có của Thúy Kiều đã được Nguyễn Du đặc tả trong hai câu thơ:

“Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”

(Truyện Kiều)

Còn Tiểu Thanh, một con người có thật sống cách Nguyễn Du 300 năm ở Trung Quốc cũng là một người con gái đẹp, có tài thơ, còn để lại tập di cao Tiểu Thanh ký. Truyện kể lại rằng trước khi chết, Tiểu Thanh đã khóc vì nhìn bức chân dung của mình và nhận ra mình đẹp. Đau đớn biết bao nhiêu khi một người con gái còn rất trẻ khi sắp chết lại thấy mình đẹp. Thế nhưng chính Nguyễn Du lại thấm thía hơn ai hết rằng: “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”, rằng: “Có tài mà cậy chi tài – Chữ tài liền với chữ tai một vần”. Cuộc đời Thúy Kiều và Tiểu Thanh chính là minh chứng và cũng là nạn nhân của những bất công, phi lý của cuộc đời.

Thúy Kiều tài sắc như vậy nên người nàng yêu cũng phải là một văn nhân “vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa”. Hai người đã thề nguyện “Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai” và có vầng trăng trên trời làm chứng. Nhưng rồi tai họa ập đến với gia đình khiến Thúy Kiều đành phải hy sinh chữ tình vì chữ hiếu. Việc Kiều bán mình chuộc cha không phải vì nàng hành động theo đạo lý tam cương của Nho gia mà đó là đạo hiếu của kẻ làm con: “Làm con trước phải đền ơn sinh thành”. Nhưng chỉ Nguyễn Du mới hiểu đến tận cùng bi kịch của Thúy Kiều khi phải trao duyên cho em, nhờ em thay mình trả nghĩa chàng Kim. Nàng giờ sống mà như đã chết. Biết bao đau đớn khi Kiều nhận mình là kẻ phụ bạc:

“Ôi Kim Lang, hỡi Kim Lang

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây”

(Truyện Kiều)

Màn trao duyên ấy chính là bi kịch đầu tiên mở ra quãng đời 15 năm “oan khổ lưu ly” của Thúy Kiều. Cuộc sống “êm đềm trướng rủ màn che” ngày xưa giờ đã thay bằng cuộc sống “Dập dìu lá gió cành chim – Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Tràng Khanh”. Thúy Kiều không tìm thấy chút vui thú nào trong cuộc sống “bướm lả ong loi” ấy, mà tâm trạng thực của nàng là vui gượng, là sầu, buồn, cuối cùng đọng lại ở nỗi đau, một nỗi đau luôn dày vò, không thể giải tỏa. Có nhà nghiên cứu đã nhận

xét rằng cái “giật mình mình lại thương mình xót xa” của cô Kiều mới đáng quý biết chừng nào. Nếu không có những phút “giật mình” ấy thì nàng Kiều cũng tầm thường như một cô gái làng chơi mất hết nhân phẩm. Cái “giật mình” ấy chứng tỏ Thúy Kiều đã đau đớn biết bao nhiêu khi nhân phẩm bị nhơ bẩn, “Mặt sao dày gió dạn sương – Thân sao bướm chán ong chường bấy thân”. Nàng phần uất, đay nghiến thực trạng phũ phàng, cuộc sống bị cầm tù trong một vòng tròn luẩn quẩn không lối thoát:

“Đã cho lấy chữ hồng nhan

Làm cho cho hại cho tàn cho cân

Đã dày vào kiếp phong trần

Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi”

(Truyện Kiều)

Người đọc dường như không phân biệt được đâu là lời của nhân vật, đâu là lời của nhà thơ vì Nguyễn Du đã nhập thân để hiểu tận cùng nỗi đau của Thúy Kiều và bất bình thay cho nàng.

Thúc Sinh xuất hiện trong cuộc đời Kiều không phải chỉ như một khách làng chơi mà còn như một người tình, một người chồng, một ân nhân. Chính Thúc Sinh đã

chuyện nàng ra khỏi xanh và cưới nàng làm vợ lẽ. Nhưng mối duyên này ngắn ngủi. Thúc Sinh phải về quê báo tin “vườn cũ thêm hoa” với vợ cả là Hoạn Thư. Cảnh từ biệt của hai người không chỉ có buồn, có lưu luyến như các cuộc chia ly thông thường khác mà còn có dự cảm về một cuộc chia tay vĩnh viễn

“Vàng trắng ai xẻ làm đôi

Nửa in gói chiếc nửa soi dặm trường”

(Truyện Kiều)

Những nỗi đoạn trường cứ bám lấy cuộc đời Thúy Kiều như một định mệnh, không cho nàng được sống thanh thản, vui vẻ, dù là ngắn ngủi.

Tiểu Thanh cũng vậy. Nàng tài sắc là thế mà phải làm lẽ, sống trong sự dày vò của người vợ cả độc ác. Tiểu Thanh không giống Thúy Kiều, 16 tuổi đã phải dấn thân vào kiếp đoạn trường, nhưng cảnh sống bị cầm tù ở núi Cô Sơn, ngày ngày lo sợ bị người vợ cả hãm hại thì có khác gì cái chết. Một cái chết dần dần, mòn mỏi, và không kém phần đau đớn. Sau 300 chỉ có Nguyễn Du lặng lẽ viếng nàng bên khung cửa qua tập di cáo còn sót lại. Cảnh đẹp Tây Hồ cũng chịu số phận truân chuyên của giai nhân:

“Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang

Thôn thức bên song mảnh giấy tàn”

(Độc Tiểu Thanh ký)

Nguyễn Du xót thương cho số phận của “văn chương”, của “son phấn” cũng bị liên lụy vào nỗi đoạn trường bởi chúng mang cái mệnh của con người:

“Chi phấn hữu thân liên tử hận

Văn chương vô mệnh lụy phần dư”

(Son phấn có thân chôn vãn hận

Văn chương không mệnh đốt còn vương) (Độc Tiểu Thanh ký)

Vẫn biết rằng “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen” nhưng đó vẫn là “nỗi hờn kim cổ” mà Nguyễn Du muốn chất vấn trời cao, hay chất vấn cuộc đời, song rốt cuộc vẫn không có lời giải đáp. Chỉ biết rằng đó là “phong vận kì oan” (nỗi oan lạ lùng) của những kẻ mang nét phong nhã. Hồng nhan đa truân, tài tử đa cùng là cái án tiền định của những người như Thúy Kiều, Tiểu Thanh phải mang. Tiếng khóc của nàng Kiều trước mộ Đạm Tiên:

“Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”

(Truyện Kiều)

cũng chính là tiếng khóc của nàng cho chính mình mai sau và là tiếng khóc cho những phận đàn bà nói chung.

Rốt cuộc thì Đạm Tiên, Thúy Kiều hay Tiểu Thanh dù số phận có nhiều điểm khác nhau thì cũng là “cùng một lứa bên trời lân cận”. Nguyễn Du cũng tự coi mình là người cùng hội cùng thuyền với những người mắc nỗi oan lạ lùng vì vết phong nhã. Tố Như đau cho số phận của Tiểu Thanh cũng là tự thương cho chính những lận đận của mình, bởi vậy mới khao khát tri kỷ:

“Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như”

(Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chẳng)

(Độc Tiểu Thanh ký)

“Khấp” có nghĩa là khóc thầm, còn “khóc” là khóc lớn, khóc thành tiếng. Nguyễn Du cả đời khóc thương cho những bất hạnh của con người nhưng cuối cùng cũng chỉ mong được người đời sau khóc thầm. Đó là khao khát tri âm khiêm nhường của một con người rất hiểu đời.

Đọc “Truyện Kiều” và “Độc Tiểu Thanh ký”, Nguyễn Du luôn hỏi trời về những đau khổ của con người nhưng thực tế trong tác phẩm, Nguyễn Du lại cho thấy nguyên nhân nhưng đau khổ của con người là do những thế lực thù địch chà đạp lên cuộc sống và quyền sống chính đáng của con người. Nếu không có chế độ phong kiến với sự thống trị của đồng tiền thì Kiều đâu có 15 năm lênh đênh trong bể đoạn trường, nếu không có chế độ đa thê thì Tiểu Thanh chắc cũng không có số phận bi kịch như thế. Nguyễn Du đau nỗi đau của con người, hiểu thấu được nguyên nhân của những bi kịch ấy nhưng Nguyễn Du bất lực bởi chính ông cũng là nạn nhân của những bể dâu cuộc đời. Nỗi đau của Nguyễn Du, sự cô đơn của Nguyễn Du, tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du đều xuất phát từ một trái tim nghệ sĩ lớn.